

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 01 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Thọ

Bà Ngô Diễm Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 548/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 539/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Khánh D, sinh năm 1996; Cư trú tại: Ấp BH, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987; Cư trú tại: Ấp BH, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Trần Khánh D trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị D chung sống với anh L vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào ngày 14/5/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm sống và cãi nhau, mặc dù gia đình thân tộc hai bên đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng vẫn không đoàn tụ được. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, mỗi người đều có cuộc sống riêng, vợ chồng không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Khánh T, sinh ngày 02/01/2016 và Nguyễn Khánh B, sinh ngày 03/10/2018. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con số tiền 745.000 đồng/tháng/cháu.

- Về tài sản chung: Chị D tự thỏa thuận với anh L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Nguyễn Văn L:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh L biết về yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng anh L không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Khánh D có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh L chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, chị D xác định do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, không có khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị D nên đủ căn cứ xác định rằng anh không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị D.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị D được ly hôn với anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi các con chung, xét yêu cầu nuôi con của chị D thấy rằng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Hai con của anh chị đều là nữ và cháu Khánh B còn chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần có mẹ chăm sóc là phù hợp sự phát triển của con, đồng thời anh L cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Khánh T và Khánh B cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con số tiền 745.000 đồng/tháng/cháu. Căn cứ tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” và theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao “mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con”. Do đó, để anh L có điều kiện thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc nuôi dưỡng con

chung sau khi ly hôn nên buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con số tiền 745.000 đồng/tháng/cháu, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ xét xử sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị D xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp. Trường hợp có phát sinh tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Về các vấn đề khác: Chị D xác định không có, anh L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 và khoản 3 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Khánh D.

1.1 Về hôn nhân: Cho chị Trần Khánh D được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

1.2. Về con chung: Giao Nguyễn Khánh T, sinh ngày 02/01/2016 và Nguyễn Khánh B, sinh ngày 03/10/2018 cho chị Trần Khánh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 745.000 đồng/tháng/cháu, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 08/01/2021 đến khi cháu T và cháu B đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị D đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Khánh D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011552 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD (đã nộp xong).

2.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Ủy ban nhân dân xã QP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Trúc